

uigeli.xyz ĐỀ 1	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
----------------------------------	--

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5.0 điểm)

Khoanh tròn đáp án đúng nhất.

Câu 1. Địa hình miền Tây Trung Quốc:

- A. gồm toàn bộ các dãy núi cao và đồ sộ.
- B. gồm các dãy núi cao, các sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.
- C. là các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất đai màu mỡ
- D. là vùng tương đối thấp với các bồn địa rộng.

Câu 2. Phần lớn dân cư Nhật Bản tập trung ở:

- A. đảo Hô - cai - đô
- B. trung tâm các đảo
- C. đồng bằng Can - tô
- D. các thành phố ven biển

Câu 3. Số thành phố trực thuộc trung ương của Trung Quốc là:

- A. 3 thành phố
- B. 4 thành phố
- C. 5 thành phố
- D. 6 thành phố

Câu 4. Quốc gia nào sau đây nằm ở bộ phận Đông Nam Á lục địa?

- A. Ma - lay - xi - a
- B. Xin - ga - po
- C. Thái Lan
- D. In - đô - nê - xi - a

Câu 5. Bốn đảo lớn của Nhật Bản xếp theo thứ tự từ bắc xuống nam là

- A. Hô - cai - đô, Hôn - su, Xi - cô - cư và Kiu - xiu.
- B. Hôn - su, Hô - cai - đô, Kiu - xiu và Xi - cô - cư.
- C. Kiu - xiu, Hôn - su, Hô - cai -đô và Xi -cô -cư.
- D. Hôn - su, Hô - cai -đô, Xi -cô -cư và Kiu - xiu.

Câu 6. Đảo nằm ở phía bắc của Nhật Bản là

A. Hôn - su

B. Hô - cai - đô

C. Xi - cô - cư

D. Kiu - xiu

Câu 7. Biển Nhật Bản có nguồn hải sản phong phú là do

A. có nhiều bão, sóng thần

B. có diện tích rộng lớn

C. nằm ở vĩ độ cao nên có nhiệt độ cao

D. có các dòng biển nóng lạnh gặp nhau.

Câu 8. Khu vực Đông Nam Á bao gồm

A. 10 quốc gia

B. 11 quốc gia

C. 12 quốc gia

D. 13 quốc gia

Câu 9. Đặc điểm nổi bật của người lao động Nhật Bản là:

A. không có tinh thần đoàn kết

B. ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm cao

C. trình độ công nghệ tin học đứng hàng đầu thế giới

D. năng động nhưng không cần cù

Câu 10. Khí hậu chủ yếu của Nhật Bản

A. Hàn đới và ôn đới lục địa

B. Hàn đới và ôn đới hải dương

C. Ôn đới và cận nhiệt đới

D. Ôn đới hải dương và nhiệt đới

Câu 11. Đặc điểm nổi bật của dân cư Nhật Bản là

A. quy mô không lớn

B. tập trung chủ yếu miền núi

C. tốc độ gia tăng dân số cao

D. dân số già

Câu 12. Địa hình đồi núi chiếm hơn bao nhiêu phần trăm diện tích lãnh thổ Nhật Bản?

A. 60%

B. 70%

C. 80%

D. 90%

Câu 13. Đồng bằng nào chịu nhiều lụt lội nhất ở miền đông Trung Quốc?

A. Đông Bắc

B. Hoa Bắc

C. Hoa Trung

D. Hoa Nam

Câu 14. Khu vực Đông Nam Á tiếp giáp với các khu vực nào của Châu Á?

- A. Tây Nam Á và Bắc Á
- B. Nam Á và Đông Á
- C. Đông Á và Tây Nam Á
- D. Bắc Á và Nam Á

Câu 15. Khó khăn lớn nhất về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là

- A. bờ biển dài, nhiều vùng vịnh
- B. khí hậu phân hóa rõ rệt từ bắc xuống nam
- C. nghèo khoáng sản
- D. nhiều đảo lớn, nhỏ nhưng nằm cách xa nhau

Câu 16. Quốc gia non trẻ nhất ở khu vực Đông Nam Á là

- A. Bru - nây B. In - đô - nô - xi - a
C. Đông Ti - mo D. Phi - lip - pin

Câu 17. Dân tộc nào chiếm đa số ở Trung Quốc?

- A. dân tộc Hán
- B. dân tộc Choang
- C. dân tộc Tạng
- D. dân tộc Mãn

Câu 18. Nước có sản lượng lúa gạo đứng đầu khu vực Đông Nam Á là

- A. Thái Lan
- B. Việt Nam
- C. In - đô - nê - xi - a
- D. Ma - lay - xi - a

Câu 19. Mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang các nước trong khu vực Asean là

- A. lúa gạo B. xăng dầu
C. than D. hàng điện tử

Câu 20. Trung Quốc có hai đặc khu hành chính nằm ven biển là

- A. Hồng Kông và Thượng Hải B. Hồng Kông và Ma Cao
- C. Hồng Kông và Thẩm Quyến D. Ma Cao và Thẩm Quyến

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của Miền Đông Trung Quốc? (2 điểm)

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA NHẬT BẢN

Năm	1990	1997	1999	2003	2005
Tăng GDP	5,1	1,9	0,8	2,7	2,5

- a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990- 2005. (2 điểm)
- b. Nhận xét tốc độ phát triển kinh tế Nhật Bản giai đoạn trên. (1 điểm)

- Hết

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	B	C	A	B	D	B	B	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	C	D	B	C	C	A	C	A	B

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
1 (2 điểm)	<p>Đặc điểm tự nhiên của Miền Đông Trung Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình: thấp, có nhiều đồng bằng, bồn địa rộng, đất đai màu mỡ. + Các đồng bằng: Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam,... - Khí hậu: gió mùa cận nhiệt, ôn đới thay đổi từ Nam lên Bắc → cơ cấu nền nông nghiệp đa dạng - Sông ngòi: nhiều sông, là trung và hạ lưu của các sông lớn → có giá trị về nhiều mặt, nhưng hay gây lũ lụt + Các sông lớn: Trường Giang, Hoàng Hà,... - Khoáng sản: phong phú với đa dạng, có nhiều chủng loại như: mangan, dầu mỏ, than, sắt, kẽm 	<p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>

Câu 2 (3 điểm)	a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 - 2005.	1,5 điểm
	<i>Yêu cầu: chính xác, thẩm mỹ, đầy đủ thông tin, biểu đồ khác không cho điểm</i>	0,5 điểm
	b. Nhận xét	0,5 điểm
	- Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990-2005 có xu hướng giảm (dc) - Tốc độ tăng GDP không đều: + Giai đoạn 1990-1999, 2003-2005 giảm (dc) + Giai đoạn 1999-2003 tăng (dc)	0,5 điểm

<p>uigeli.xyz</p> <p>ĐỀ 2</p>	<p>ĐỀ THI HỌC KỲ II</p> <p>Môn Địa Lí 11</p> <p><i>Thời gian: 45 phút</i></p>
--------------------------------------	---

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1. Diện tích tự nhiên của Trung Quốc đứng

- A. thứ hai thế giới sau Liên bang Nga. B. thứ ba thế giới sau Liên bang Nga và Canada.
 C. thứ tư thế giới sau Liên bang Nga, Canada và Hoa Kỳ.
 D. thứ năm thế giới sau Liên bang Nga, Canada, Hoa Kỳ và Braxin.

Câu 2. Khu vực Đông Nam Á nằm ở nơi tiếp giáp giữa hai đại dương nào?

- A. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. B. Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.
C. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương. D. Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.

Câu 3. Trung Quốc có hai đặc khu hành chính nằm ở ven biển là

- A. Hồng Công và Thượng Hải. B. Hồng Công và Ma Cao.
C. Hồng Công và Quảng Châu. D. Ma Cao và Thượng Hải.

Câu 4. Quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Nam Á không có diện tích giáp biển.

- A. Lào. B. Mi-an-ma. C. Cam-pu-chia. D. Thái Lan.

Câu 5. Quốc gia có số dân đông nhất thế giới hiện nay là

- A. Hoa Kỳ B. Ấn Độ C. Trung Quốc D. Liên Bang Nga

Câu 6. Cây lương thực truyền thống và quan trọng của khu vực Đông Nam Á là

- A. Lúa mì. B. Ngô. C. Lúa gạo. D. Lúa mạch.

Câu 7. Nhật Bản nằm ở khu vực nào của châu Á?

- A. Đông Nam Á. B. Nam Á C. Đông Á. D. Bắc Á.

Câu 8: Khu vực Đông Nam Á hiện nay có tất cả bao nhiêu quốc gia?

- A. 8 B. 10 C. 11 D. 12

Câu 9.Đảo nào có diện tích lớn nhất Nhật Bản?

- A. Hô-cai-đô. B. Hôn-su . C. Kiu - xiu. D. Xi-cô-cur.

Câu 10.Đây là đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo

- A. Ít đồng bằng, nhiều đồi, núi và núi lửa. B. Chủ yếu núi trung bình và núi thấp.
C. Có nhiều đồng bằng lớn được hình thành bởi phù sa sông.
D. Địa hình chia cắt mạnh bởi các dãy núi hướng tây bắc- đông nam.

Câu 11.Khu vực Đông Nam Á là cầu nối giữa hai lục địa nào?

- A. Lục địa Á và lục địa Âu. B. Lục địa Á-Âu và lục địa Phi.
C. Lục địa Á -Âu và lục địa Bắc Mỹ. D. Lục địa Á-Âu và lục địa Ô-xtrây-li-a.

Câu 12. Trung Quốc là một đất nước rộng được chia thành hai miền khác nhau, miền Tây của Trung Quốc có khí hậu gì?

- A. Khí hậu ôn đới hải dương. B. Khí hậu cận xích đạo.

	<ul style="list-style-type: none"> - Dân tộc: trên 50 dân tộc, chủ yếu là người Hán >90% - Phân bố dân cư không đều, đông đúc ở miền Đông, nhất là đồng bằng châu thổ, thưa thớt ở miền Tây - Tỷ lệ dân thành thị 37%, miền Đông là nơi tập trung nhiều thành phố lớn: Bắc Kinh, Thượng Hải... - Xã hội: chú trọng đầu tư cho giáo dục, tỉ lệ biết chữ cao gần 90%. <p>Là nơi có nền văn minh lâu đời nhiều đóng góp cho nhân loại (giấy, la bàn, thuốc súng...)</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p>
	<p>Mục tiêu chung của ASEAN:</p> <p>Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.</p> <p>ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các vấn đề về biên giới, đảo, đặc quyền kinh tế do nhiều nguyên nhân và hoàn cảnh lịch sử để lại trong khu vực ĐNÁ còn nhiều vấn đề rất phức tạp cần phải ổn định để đối thoại, đàm phán giải quyết một cách hòa bình. + Mỗi quốc gia trong khu vực từng thời kì, giai đoạn lịch sử khác nhau đều đã chịu ảnh hưởng của sự mất ổn định nên đã nhận thức đầy đủ, thống nhất cao về sự cần thiết phải ổn định. + Tại thời điểm hiện nay, sự ổn định khu vực sẽ không tạo cơ để các thế lực bên ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của khu vực. 	<p>1.0</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p>
Câu 2 (3 điểm)	<p>a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 - 2005.</p> <p><i>Yêu cầu: chính xác, thẩm mỹ, đầy đủ thông tin, biểu đồ khác không cho điểm</i></p> <p>b. Nhận xét</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990-2005 có xu hướng giảm (dc) 	<p>1.5</p> <p>0.5</p>

	- Tốc độ tăng GDP không đều: + Giai đoạn 1990-1999, 2003-2005 giảm (dc) + Giai đoạn 1999-2003 tăng (dc)	0.5 0.5
	Tổng: 10 điểm	

uigeli.xyz ĐỀ 3	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
-------------------------------	--

Câu 1: Khu vực Đông Nam Á có bao nhiêu quốc gia?

- A. Hơn 20 quốc gia B. 22 quốc gia C. 10 quốc gia D. 11 quốc gia

Câu 2: Đông Nam Á biển đảo không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Quần đảo thuộc loại lớn nhất thế giới.
B. Bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi hướng tây bắc - đông nam.
C. Có nhiều đồng bằng đất phù sa được phủ tro, bụi núi lửa.
D. Nằm trong vùng có động đất, núi lửa hoạt động mạnh.

Đọc và trả lời các câu hỏi từ câu 3 đến câu 5

** Dựa vào lược đồ Địa hình và khoáng sản Đông Nam Á và kiến thức đã học, hãy trả lời câu 3 đến câu 5*



Câu 3: Quốc gia có phần lãnh thổ vào mùa đông có thời kì lạnh là:

- A. Việt Nam và Mianma
- B. Philippin và Thái Lan
- C. Indônêxia và Malaixia
- D. Lào và Campuchia

Câu 4: Nhận định nào sau đây *không chính xác* về Đông Nam Á:

- A. Nằm trong vành đai sinh khoáng giàu khoáng sản
- B. Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới điển hình
- C. Ngành thương mại và hàng hải có điều kiện để phát triển ở tất cả các nước
- D. Có vị trí cầu nối giữa lục địa Á- Âu và lục địa Ôxtrâyli

Câu 5: Đông Nam Á nằm trong vùng khí hậu:

- A. Nhiệt đới
- B. Nhiệt đới gió mùa
- C. Nhiệt đới gió mùa và xích đạo.
- D. Nhiệt đới và xích đạo.

Câu 6: Nhóm nước nào dưới đây hoàn toàn thuộc về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Mianma, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a
- B. Việt Nam, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a

C. Thái Lan, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a

D. Bru-nây, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a

Câu 7: Câu nào dưới đây *không chính xác* về dân cư hiện nay của Đông Nam Á:

A. Dân số đông, mật độ dân số cao

B. Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên rất cao

C. Số người trong tuổi lao động không dưới 50%

D. Thiếu lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn cao

Câu 8: Ưu thế về dân cư trong việc phát triển kinh tế - xã hội của Đông Nam Á là:

A. Dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào

B. Lao động phổ thông chiếm đa số

C. Mật độ dân số cao

D. Phân bố không đều

Câu 9: Cơ sở thuận lợi để cho các quốc gia Đông Nam Á có thể hợp tác cùng phát triển là:

A. Đông Nam Á là nơi giao thoa của các nền văn hóa lớn

B. Các nước Đông Nam Á có sự tương đồng về nhiều giá trị văn hóa và tôn giáo

C. Dân cư tập trung ở châu thổ các con sông lớn, vùng ven biển và vùng đất đỏ badan

D. Phong tục, tập quán và sinh hoạt văn hóa của người dân các nước rất gần nhau

Câu 10: Năm 2017, Đông Nam Á có dân số: 648,8 triệu người, diện tích: 4,5 triệu km², tính mật độ dân số?

A. 14,4 người/km²

B. 144 người/km²

C. 1440 người/km²

D. 14 400 người/km²

Câu 11: Điều kiện tự nhiên nào sau đây là trở ngại cho sự phát triển của Đông Nam Á ?

A. Hầu hết các nước đều giáp biển.

B. Nằm trong vành đai sinh khoáng.

C. Có diện tích rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm lớn.

D. Vị trí kề sát “vành đai lửa Thái Bình Dương”.

Câu 12: Điểm khác nhau cơ bản về địa hình Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á biển đảo là:

A. Ít đồng bằng, nhiều đồi núi.

B. Núi thường thấp dưới 3.000m.

C. Đồng bằng phù sa nằm đan xen giữa các dãy núi.

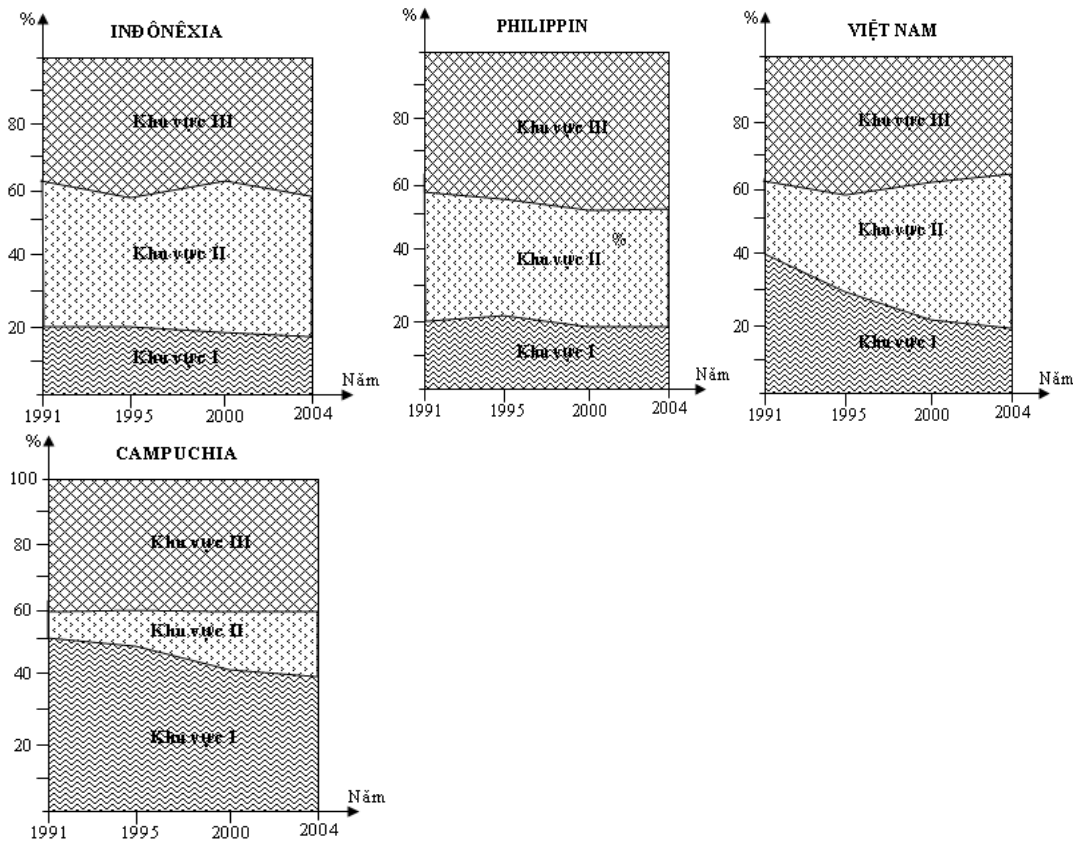
D. Có nhiều núi lửa đang hoạt động.

Câu 13: Cơ cấu kinh tế các nước Đông Nam Á chuyển dịch theo hướng:

- A. Từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp
- B. Từ nền kinh tế công nghiệp sang dịch vụ
- C. Từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ
- D. Từ nền kinh tế nông nghiệp và công nghiệp sang dịch vụ

Đọc và trả lời các câu hỏi từ câu 14 đến câu 16

** Dựa vào các biểu đồ Chuyển dịch cơ cấu GDP của một số nước Đông Nam Á, trả lời các câu hỏi 14 đến câu 16*



Câu 14: Nước có tỉ trọng GDP cao nhất ở khu vực I và thấp nhất ở khu vực II là:

- A. Philipin
- B. Campuchia
- C. Việt Nam
- D. Indônêxia

Câu 15: Nước có tỉ trọng khu vực III cao nhất trong cơ cấu GDP qua các năm:

- A. Indônêxia
- B. Việt Nam
- C. Philippin
- D. Campuchia

Câu 16: Nước có sự chuyển dịch cơ cấu GDP rõ rệt nhất từ nông nghiệp sang công nghiệp:

A. Việt Nam

B. Campuchia

C. Philipin

D. Indônêxia

Câu 17: Sản phẩm của một số ngành công nghiệp chế biến như: lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử ... đã có sức cạnh tranh và trở thành thế mạnh của các nước trong khu vực Đông Nam Á chủ yếu do:

A. Trình độ công nhân lành nghề

B. Liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài

C. Giá nhân công rẻ và nguồn lao động dồi dào

D. Nguồn tài nguyên phong phú

Câu 18: Mặc dù Đông Nam Á xuất khẩu rất nhiều loại nông sản nhưng giá trị của các mặt hàng này vẫn còn thấp, đó là do các hàng nông sản:

A. Chưa đáp ứng được những yêu cầu của thị trường về chất lượng

B. Không cạnh tranh được với các nước khác nên phải hạ giá

C. Thường bị các nước tư bản chèn ép về giá cả

D. Phần lớn chưa qua chế biến.

Câu 19: Lúa gạo được trồng chủ yếu ở Đông Nam Á lục địa bởi vì ở Đông Nam Á lục địa:

A. Có nhiều đồng bằng rộng lớn hơn và khí hậu thuận lợi hơn

B. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn hơn

C. Có lực lượng lao động nông nghiệp đông hơn

D. Ít bị thiên tai, bão lụt hơn so với Đông Nam Á biển đảo

Câu 20: Cho bảng số liệu về Chuyển dịch cơ cấu GDP theo ba khu vực kinh tế của Việt Nam.

(Đơn vị: %)

Năm	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Tổng
1991	40,5	23,8	35,7	100
1995	27,2	28,8	44,0	100
2000	24,5	36,7	38,8	100
2004	21,8	40,2	38,0	100

--	--	--	--	--

Biểu đồ thể hiện thích hợp nhất:

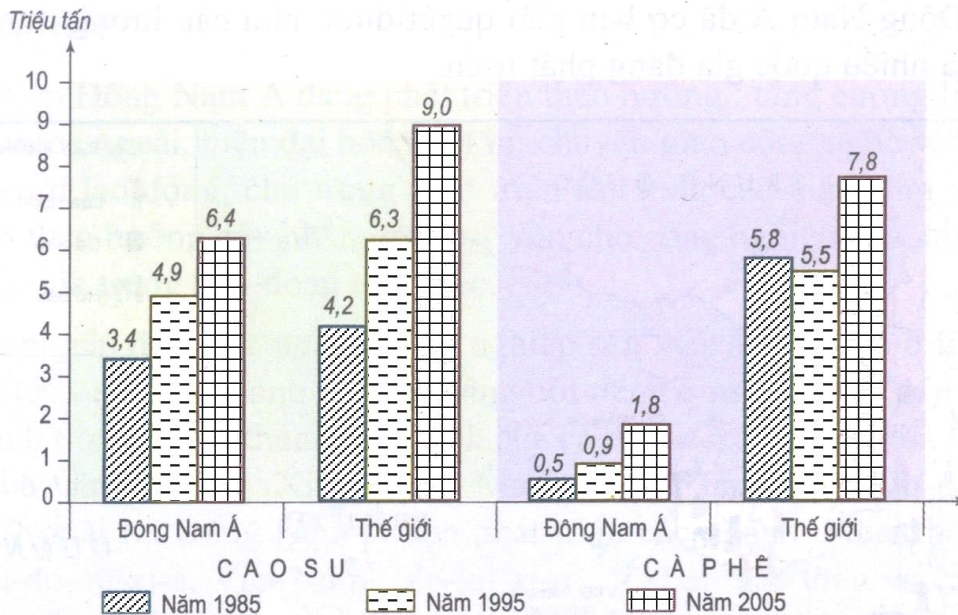
- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ cột.

Câu 21: Câu nào dưới đây *không chính xác* về ngành dịch vụ của các nước Đông Nam Á:

- A. Cơ sở hạ tầng hiện đại và ngày càng phát triển
B. Hệ thống giao thông được mở rộng và tăng thêm
C. Thông tin liên lạc được cải thiện và ngày càng nâng cấp
D. Hệ thống ngân hàng, tín dụng phát triển và hiện đại

Đọc và trả lời các câu hỏi từ câu 22 đến câu 24

* Dựa vào biểu đồ Sản lượng cao su, cà phê của Đông Nam Á và thế giới, trả lời các câu 22 đến câu 24



Sản lượng cao su, cà phê của Đông Nam Á và của thế giới

Câu 22: Giai đoạn 1985 - 2005, sản lượng cao su của thế giới và Đông Nam Á:

- A. Tăng liên tục B. Giảm liên tục C. Tăng giảm không đều D. Ổn định

Câu 23: Giai đoạn 1985 - 2005, sản lượng cà phê của thế giới:

- A. Tăng liên tục B. Giảm liên tục C. Tăng giảm không đều D. Ổn định

Câu 24: Nhận định nào dưới đây *không chính xác*:

- A. Sản lượng cao su Đông Nam Á đứng hàng đầu thế giới
- B. Sản lượng cà phê của thế giới gấp 4,3 lần sản lượng cà phê của Đông Nam Á, năm 2005
- C. Sản lượng cà phê và cao su của Đông Nam Á và thế giới năm 1995 cao hơn năm 1985
- D. Năm 2005, sản lượng cao su và cà phê của thế giới và Đông Nam Á cao nhất trong cả giai đoạn

Câu 25: Đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản là ngành kinh tế truyền thống và đang tiếp tục phát triển ở Đông Nam Á vì:

- A. Các nước có hệ thống sông ngòi chằng chịt và lượng nước sông phong phú
- B. Các nước đều giáp biển và biển quanh năm không đóng băng
- C. Có lao động lành nghề, trang thiết bị hiện đại ngang tầm thế giới
- D. Tất cả các nước đều có lợi thế về sông và hầu hết các nước đều giáp biển

Câu 26: Hiệp hội các nước Đông Nam Á được thành lập vào năm, tại, gồmnước.

- A. 1967/Thái Lan/6 B. 1967/Băng Cốc/5 C. 1967/Băng Cốc/4 D. 1965/Thái Lan/5

Câu 27: Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm:

- A. 1995 B. 1996 C. 1997 D. 1999

Câu 28: Mục tiêu của ASEAN được thể hiện khái quát nhất trong ý nào dưới đây:

- A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và sự tiến bộ của các nước thành viên
- B. Xây dựng thành một khu vực hòa bình, ổn định, phát triển
- C. Giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ của ASEAN với thế giới
- D. Đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định và cùng phát triển

Câu 29: Vấn đề xã hội nào sau đây *không phải* là thách thức của ASEAN:

- A. Đô thị hóa diễn ra nhanh làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong xã hội
- B. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường chưa hợp lý
- C. Nguồn nhân lực chưa tương xứng với nhu cầu phát triển kinh tế của các quốc gia trong khu vực
- D. Sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán ở mỗi quốc gia

Câu 30: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ trình độ phát triển của ASEAN còn chưa đồng đều:

- A. Đô thị hóa khác nhau giữa các quốc gia
- B. Sử dụng tài nguyên của các nước chưa hợp lí
- C. GDP có sự chênh lệch giữa các nước
- D. Tỷ lệ đói nghèo giữa các nước có sự khác nhau

Câu 31: Việt Nam xuất khẩu gạo chủ yếu sang các nước nào trong ASEAN?

- A. In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin
- B. Mi-an-ma, Lào
- C. Cam-pu-chia, Thái Lan
- D. Xin-ga-po, Bru-nây

Câu 32: Điều *không phải* là cơ chế hợp tác của ASEAN:

- A. Thông qua các dự án, chương trình phát triển
- B. Thông qua các diễn đàn, hiệp ước
- C. Thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao
- D. Thông qua sự tự do lưu thông hàng hóa, tiền tệ

Câu 33: Trong các nước sau của khu vực Đông Nam Á, nước nào là nước công nghiệp mới (NICs):

- A. Thái Lan
- B. Xin-ga-po
- C. Bru-nây
- D. Cam-pu-chia

Đọc và trả lời các câu hỏi từ câu 34 đến câu 35

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy trả lời câu hỏi 34 đến câu 35

STT	Khu vực	Số khách du lịch đến (nghìn lượt người)	Chi tiêu của khách du lịch (triệu USD)	Bình quân chi tiêu của một lượt khách (USD)
1	Đông Á	67230	70594	
2	Đông Nam Á	38468	18356	
3	Tây Nam Á	41394	18419	

Câu 34: Số lượt khách du lịch đến Tây Nam Á:

- A. Bằng Đông Nam Á
- B. Bằng Đông Á
- C. Thấp hơn Đông Nam Á
- D. Thấp hơn Đông Á

Câu 35: Bình quân chi tiêu một lượt khách du lịch ở Đông Nam Á:

- A. Thấp hơn Tây Nam Á B. Bằng Tây Nam Á C. Gần 1/2 Đông Á D. Cao hơn Đông Á

Câu 36: Cho bảng số liệu: Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của Ô-xtrây-li-a qua các năm

(đơn vị: %)

Năm	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1985	4,0	34,8	61,2
1995	3,2	26,3	70,5
2000	3,7	25,6	70,7
2004	3,0	26,0	71,0

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây *không* chính xác:

- A. Khu vực I luôn luôn chiếm tỉ trọng nhỏ nhất B. Khu vực III luôn luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất
C. Khu vực III có tỉ trọng tăng qua các năm D. Khu vực II có tỉ trọng giảm đều qua các năm

Câu 37: Dân cư Ôxtrâyli-a tập trung đông đúc ở:

- A. Vùng nội địa B. Dải đồng bằng ven biển phía đông
C. Dải đồng bằng ven biển phía nam D. Dải đồng bằng ven biển phía đông nam

Đọc và trả lời các câu hỏi từ câu 38 đến câu 39

Cho bảng số liệu: Số dân Ô-xtrây-li-a qua một số năm, hãy trả lời câu hỏi 38 đến câu 39

(đơn vị: triệu người)

Năm	Số dân
1850	1,2
1900	4,7
1920	4,5
1939	6,9

1985	15,8
1990	16,1
1995	18,1
2000	19,2
2005	20,4

Câu 38: Dựa vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây *không* chính xác:

- A. Dân cư Ô-xtrây-li-a tăng mạnh trong giai đoạn 1939-1985
- B. Từ 1850-2005 dân số Ô-xtrây-li-a tăng 17 lần
- C. Từ 1850-2005 dân số Ô-xtrây-li-a tăng 19,2 triệu người
- D. Từ 1850-2005 dân số Ô-xtrây-li-a tăng liên tục

Câu 39: Dựa vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biểu đồ nào là thích hợp nhất để thể hiện tốc độ gia tăng dân số của Ô-xtrây-li-a qua các năm?

- A. Biểu đồ cột
- B. Biểu đồ tròn
- C. Biểu đồ miền
- D. Biểu đồ đường (đồ thị)

Câu 40: Chính sách “Nước Ô-xtrây-li-a Da Trắng ” nhằm hạn chế sự nhập cư của các chủng tộc khác vào Ô-xtrây-li-a được hủy bỏ vào năm nào?

- A. 1971
- B. 1972
- C. 1973
- D. 1974

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	D	B	A	C	C	D	B	A	B	B	D	A	C	B	C	A	B	D	A	B
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40

ĐA	A	A	C	A	D	B	A	D	D	C	A	D	B	D	C	D	D	D	D	C
----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

uigeli.xyz	ĐỀ THI HỌC KỲ II
ĐỀ 4	Môn Địa Lí 11
	Thời gian: 45 phút

Câu 1 : (3,0 điểm)

- a. Trình bày đặc điểm dân cư và xã hội của khu vực ĐNA. (2,0 điểm)
- b. Phân tích những tiềm năng về dân cư để phát triển kinh tế-xã hội của các nước Đông Nam Á. (1,0 điểm)

Câu 2 : (4,0 điểm)

- a. Nêu những thách thức đối với ASEAN. So sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa tổ chức liên kết EU và ASEAN.(3,0 điểm)
- b. Hãy cho biết thời cơ và thách thức đối với Việt Nam khi trở thành thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á(ASEAN)(1,0 điểm)

Câu 3 : (30 điểm) Cho bảng số liệu :

GDP VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á năm 2014

Quốc gia	GDP(triệu USD)	Tốc độ tăng trưởng GDP (%)
Campuchia	16.777,8	8,6
Singapore	307.859,8	1,9
Thái Lan	404.824,0	-3,7%
Việt Nam	186.204,7	8,8%
Lào	11.997,1	7,2%

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của một số nước Đông Nam Á năm 2014. (2,0 điểm)

b. Nhận xét giá trị GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của một số nước Đông Nam Á năm 2014 (1,0 điểm)

**Ghi chú : Học sinh không được sử dụng tài liệu.*

-----Hết-----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - MÔN ĐỊA LÍ -KHỐI 11

Câu	Nội dung	Điểm
1 (3,0đ)	<p>a. Trình bày đặc điểm dân cư và xã hội của khu vực ĐNA</p> <p>*Dân cư ;</p> <p>-Số dân đông, mật độ cao. 0,25</p> <p>-Tỉ suất gia tăng tự nhiên có chiều hướng giảm. 0,25</p> <p>-Dân số trẻ, số người trong độ tuổi lao động chiếm trên 50% 0,25</p> <p>-Nguồn LĐ dồi dào, nhưng còn thiếu LĐ có tay nghề và trình độ chuyên môn cao. 0,25</p> <p>-Phân bố dân cư không đều, chủ yếu tập trung ở ĐB châu thổ, ven biển và một số vùng đất đỏ ba dan. 0,25</p> <p>*Xã hội :</p> <p>-Các quốc gia ĐNA đều có nhiều dân tộc. Một số dân tộc phân bố rộng, không theo biên giới quốc gia.</p> <p>-Là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên TG(Trung Hoa, Ấn Độ, NBản, Âu, Mỹ), các nước ĐNA tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa, tôn giáo 0,25</p> <p>-Người dân có phong tục, tập quán sinh hoạt, văn hóa rất gần nhau. 0,25</p>	2,0đ

		0,25
	b. Phân tích những tiềm năng về dân cư để phát triển kinh tế-xã hội của các nước Đông Nam Á. -Dân đông, nguồn LĐ dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn. -Truyền thống LĐ cần cù, sáng tạo, ham học hỏi, có truyền thống và kinh nghiệm SX NN, đặc biệt là trồng lúa nước. -Các quốc gia trong khu vực vừa có đặc điểm chung về nền văn minh lúa nước vừa có bản sắc văn hóa riêng nên đã XD một cộng đồng liên kết chặt chẽ đồng thời phát huy thế mạnh riêng của mỗi nước	1,0 0,25 0,25 0,25 0,25
2 (3,0đ)	a. Nêu những thách thức đối với ASEAN. So sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa tổ chức liên kết EU và ASEAN *Thách thức -Trình độ pt còn chênh lệch(d/c...) -Vẫn còn tình trạng đói nghèo. -Các vấn đề khác : +Đô thị hóa diễn ra nhanh, nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp của XH. +Các vấn đề : Tôn giáo, sự hòa hợp dân tộc..... * So sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa tổ chức liên kết EU và ASEAN -Giống nhau : +Đều là các liên kết KT khu vực thành công nhất, với dân số đông. +Số lượng thành viên đều tăng(so với khi thành lập), cán cân thương mại dương.	2,0 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

	+Tốc độ tăng trưởng KT khá cao.	0,25
	+Có sự chênh lệch về trình độ phát triển KT-XH giữa các nước thành viên.	
	-Khác nhau :	0,25
	+Năm thành lập : EU thành lập sớm(1957) ;ASEAN muộn hơn(1967)	0,25
	+Số lượng thành viên : EU rất đông(27) ;ASEAN ít hơn(10)	
	+Dân số :EU là 459,7 triệu người(2005) ; ASEAN là 555,3 triệu người(2005), nhiều hơn.	0,25
	+Tổng GDP: EU rất lớn 12690,5(2004) ; ASEAN nhỏ 799,9 tỉ USD (2004)	0,25
		0,25
	b. Thời cơ và thách thức đối với Việt Nam khi trở thành thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á(ASEAN)	1,0
	-Thời cơ : tạo ĐK cho nước ta hòa nhập vào cộng đồng khu vực, vào thị trường các nước ĐNA.Thu hút được vốn đầu tư, mở ra cơ hội giao lưu, học hỏi, tiếp thu trình độ KH-KT, công nghệ để phát triển.	0,25
	-Thách thức : Phải cạnh tranh với nhiều sản phẩm có uy tín, thương hiệu hoặc trình độ cao ở khu vực ; Sự chênh lệch về trình độ phát triển KT, công nghệ và thể chế chính trị.	0,25
		0,25
3 (3,0đ)	a.Vẽ biểu đồ : cột nhóm (mỗi quốc gia 2 cột), yêu cầu (đúng, đủ, đẹp.....)	1,75
	*Nếu sai 01 lỗi trừ 0,25 điểm)	
	b.Nhận xét :	1,25
	-GDP của một số nước khá cao, nhưng có sự chênh lệch lớn giữa các nước. (d/c : xếp thứ tự ? Cao nhất hơn thấp nhất ?)	0,5

	-Tốc độ tăng trưởng KT của một số nước khá cao, nhưng có sự chênh lệch lớn giữa các nước... (d/c : xếp thứ tự ? Cao nhất hơn thấp nhất ?) -Việt Nam so với các nước ? (d/c)	0,5 0,25
Tổng	Câu 1 + Câu 2 + Câu 3	10,0

uigeli.xyz ĐỀ 5	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
--------------------------------------	--

Câu 1(2,0 điểm): Trình bày đặc điểm dân cư của Nhật Bản. Về điều kiện tự nhiên của Nhật Bản có những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển kinh tế?

Câu 2(3,0 điểm): Nêu đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa. Ngành công nghiệp ở khu vực Đông Nam Á đang phát triển theo hướng như thế nào?

Câu 3(2,0 điểm): Trong phát triển kinh tế - xã hội, ASEAN đã đạt được những thành tựu gì? Vì sao ở khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh cây công nghiệp lâu năm (Cà phê, cao su, hồ tiêu,..)?

Câu 4(3,0 điểm):

Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc

(Đơn vị: %)

Năm	1985	2004
Xuất khẩu	39,3	51,4
Nhập khẩu	60,7	48,6

a/ Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc năm 1985 và 2004.

b/ Nhận xét sự thay đổi trong cơ cấu xuất, nhập khẩu của Trung Quốc.

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ II

MÔN: ĐỊA LÝ KHỐI: 11 CHƯƠNG TRÌNH: CƠ BẢN HỆ: PT

Câu 1: Trình bày đặc điểm dân cư của Nhật Bản.	
- Là nước đông dân, cơ cấu dân số già.	0.25đ
- Phân bố dân cư tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển.	
- Người lao động cần cù, làm việc tích cực với ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm cao.	0.25đ
*Về điều kiện tự nhiên của Nhật Bản có những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển kinh tế?	0.5đ
- Thuận lợi: phát triển nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, thủy điện, lâm nghiệp.	

<p>- Khó khăn: thiếu nguyên liệu phát triển công nghiệp, đất canh tác ít, nhiều thiên tai,...</p>	<p>0.5đ</p> <p>0.5đ</p>
<p>Câu 2: Nêu đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi chạy dài theo hướng Tây Bắc – Đông Nam hoặc hướng Bắc Nam, có các đồng bằng phù sa màu mỡ. - Khí hậu: nhiệt đới gió mùa. - Sông ngòi dày đặc, dồi dào nước. - Sinh vật rừng nhiệt đới phát triển mạnh. - Đất phong phú: đất feralit, đất phù sa. - Khoáng sản phong phú: sắt, than đá, dầu mỏ,.... <p>*Ngành công nghiệp ở khu vực Đông Nam Á đang phát triển theo hướng như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài. - Hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ và đào tạo kỹ thuật cho người lao động. - Chú trọng sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. 	<p>0.5đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p>
<p>Câu 3: Trong phát triển kinh tế - xã hội, ASEAN đã đạt được những thành tựu gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 10/11 quốc gia trong khu vực trở thành thành viên của ASEAN. - Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khu vực khá cao. - Đời sống nhân dân được cải thiện, hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại hóa. - Tạo dựng được một môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực. <p>*Vì sao ở khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh cây công nghiệp lâu năm (Cà phê, cao su, hồ tiêu,...)?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do có địa hình đồi núi, nhóm đất feralit và đất badan màu mỡ, khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu xích đạo, người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất. 	<p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p>

	1.0đ
Câu 4: a/ Vẽ biểu đồ tròn: - Vẽ biểu đồ đúng, chính xác. - Thiếu tên biểu đồ. - Thiếu chú thích. - Không ghi số liệu vào biểu đồ. - Chia sai tỉ lệ mỗi yếu tố. - Chia sai bán kính chuẩn không chấm điểm biểu đồ (tia 12h). b/ Nhận xét: - Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc từ năm 1985 – 2004 có sự thay đổi: Tỉ trọng xuất khẩu có xu hướng tăng (tăng 12,1%), tỉ trọng nhập khẩu có xu hướng giảm (giảm 12,1%) - Năm 1985, Trung Quốc là nước nhập siêu. Năm 2004, Trung Quốc là nước xuất siêu. - Thiếu dẫn chứng số liệu.	2.0đ -0.25đ -0.25đ -0.25đ -0.25đ 0.75đ 0.25đ -0.25đ

uigeli.xyz ĐỀ 6	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
---------------------------	--

Câu 1: (3điểm)

- a. Kể tên nước, thủ đô của các nước thuộc Đông Nam Á lục địa .
- b. Cho biết mục tiêu và cơ chế hợp tác của khối ASEAN.

Câu 2: (3.5 điểm)

Chứng minh rằng công nghiệp, tài chính và thương mại quốc tế là sức mạnh của nền kinh tế Nhật Bản .

Câu 3: (3.5 điểm) Cho bảng số liệu sau :

GDP của Trung Quốc và thế giới (đơn vị: Tỉ USD).

Năm	1995	2004
Trung Quốc	239.0	1649.3
Thế giới	12360.0	40887.8

- a. Tính tỉ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới .
- b. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP của Trung quốc và thế giới .
- c. Nhận xét về tỉ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới .

.....Hết.....

ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	a. Kể tên nước + thủ đô của ĐNÁ lục địa (1 điểm)	
	-Việt Nam: Hà Nội	0.25
	- Thái Lan: Băngkốc	
	- Lào : Viêngchăn	0.25
	- Mianma: Rănggun	0.25
	-Campuchia: Pnôngpênh	0.25
	b. Mục tiêu, cơ chế hợp tác (2 điểm)	
	* Mục tiêu:	
	-Thúc đẩy sự phát triển KTXH của các nước thành viên	0.25
	-Xây dựng một khu vực có nền hoà bình và ổn định	0.25
Câu 2	- Giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ	0.25
	- MT tổng quát : Đoàn kết hợp tác vì một ASEAN hoà bình ổn định cùng phát triển	0.25
	* Cơ chế hợp tác	
	-Thông qua các hội nghị, các diễn đàn, các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hoá, thể thao	0.25
	-Thông qua kí các hiệp ước hai bên, nhiều bên	0.25
	-Thông qua các dự án, chương trình phát triển	0.25
	-Xây dựng một khu vực thương mại tự do	0.25
	a. Sức mạnh CN: dẫn đầu thế giới một số lĩnh vực sau	0.75
	+ Đóng tàu: Đứng đầu thế giới, chiếm 41% CN đóng tau trên thế giới và xuất khẩu 60%	
	số lượng tàu thủy trên thế giới	0.75
	+SX ô tô: nhất thế giới, mỗi năm sản xuất 12.7 triệu chiếc chiếm 27 % số lượng ô tô thế giới,xuất khẩu chiếm 45% ô tô thế giới.	
	+ Điện tử tiêu dùng: có vị trí hàng đầu thế giới, có chất lượng cao với nhiều hãng nổi tiếng	0.5

	<p>+ CN xây dựng và công trình công cộng chiếm 20% GDP của Nhật với nhiều công trình nổi tiếng</p> <p>b. Thương mại quốc tế</p> <p>-Cán cân thương mại luôn dương</p> <p>-Đối với các nước đang phát triển: Cán cân mậu dịch của Nhật thường bội chi .</p> <p>c. Tài chính quốc tế</p> <p>-Có tài chính khổng lồ chiếm lĩnh nhiều cổ phần trong các ngân hàng thế giới</p> <p>-Nhật mua lại bất động sản ở nước ngoài</p>	<p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>									
Câu 3	<p>a. Tính và vẽ biểu đồ</p> <p>*Tính kết quả như bảng sau</p> <table border="1"> <tr> <td>Năm</td><td>1995</td><td>2004</td></tr> <tr> <td>Trung Quốc</td><td>1.93 %</td><td>4.03 %</td></tr> <tr> <td>Thế giới</td><td>98.07 %</td><td>95.97 %</td></tr> </table> <p>b.Vẽ hai biểu đồ hình tròn :</p> <p>- Yêu cầu đúng tỉ lệ, có chú thích có ghi năm, tên biểu đồ .</p> <p>- Thiếu mỗi ý trừ 0.25 điểm.</p> <p>c.Nhận xét (1 điểm)</p> <p>- Tỉ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới ngày càng tăng (tăng 2.1%).</p> <p>- Kinh tế Trung Quốc ngày càng có vai trò càng lớn trong nền kinh tế thế giới.</p>	Năm	1995	2004	Trung Quốc	1.93 %	4.03 %	Thế giới	98.07 %	95.97 %	<p>1.0</p> <p>1.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
Năm	1995	2004									
Trung Quốc	1.93 %	4.03 %									
Thế giới	98.07 %	95.97 %									

<p>uigeli.xyz</p> <p>ĐỀ 7</p>	<p>ĐỀ THI HỌC KỲ II</p> <p>Môn Địa Lí 11</p> <p><i>Thời gian: 45 phút</i></p>
--------------------------------------	---

Câu 1: (1 điểm)

- Nhận xét sự phân bố các trung tâm công nghiệp của Trung Quốc.
- Giải thích về sự phân bố đó.

Câu 2: (3.5 điểm)

Chứng minh việc gia nhập ASEAN đã đem lại cho Việt Nam những thuận lợi và thách thức trong việc phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 3 (3.5 điểm)

Dựa vào bảng số liệu về giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các giai đoạn 1990-2004.

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2001	2004
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	403,5	565,7
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	349,1	454,5

Em hãy vẽ biểu đồ miền thể hiện giá trị xuất nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm.

Câu 4: (2 điểm)

Điều kiện tự nhiên vùng Đông Nam Á có thuận lợi gì cho sự phát triển ngành trồng cây lương thực và cây công nghiệp.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KÌ II

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	a.Các trung tâm công nghiệp đều tập trung ở miền Đông, đặc biệt ở vùng duyên hải. Các TTCN rất lớn: Thượng Hải, Quảng Châu	0.5
	b.Có lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn, cơ sở hạ tầng tốt, gần biển → đẩy mạnh giao lưu kinh tế.	0.5
Câu 2	- Thuận lợi: giao lưu, hợp tác trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, văn hóa giáo dục, khoa học...Đẩy mạnh xuất, nhập khẩu giữa nước ta và các nước trong khu vực.	2.0
	- Thách thức phải vượt qua: sự chênh lệch về trình độ công nghệ, cạnh tranh mạnh mẽ, sự khác biệt về thể chế chính trị.	1.5
Câu 3	a.Tính và vẽ biểu đồ *Sử lí số liệu tính ra phần trăm.	1.0
	b.Vẽ biểu đồ Miền : - Yêu cầu đúng tỉ lệ, có chú thích có ghi năm, tên biểu đồ . - Thiếu mỗi ý trừ 0.25 điểm.	2.5
Câu 4	- Thuận lợi trồng cây lương thực, công nghiệp:	0.25
	+ Đất phù sa màu mỡ do sông bồi đắp	
	+ Khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh ở các nước: philippin, Việt nam, Mianma, Thái lan...cây trồng vật nuôi phong phú đa dạng	0.25
	+ Nước dồi dào do mưa nhiều, sông nhiều nước..	0.25
	+ Đất bazan màu mỡ	0.25
	+ Khí hậu cận xích đạo có 2 mùa mưa và mùa khô sâu sắc: indônêxia, malaixia, singgapo...	0.5
	+ Nguồn nước dồi dào	0.25

	-Khó khăn: Mùa khô kéo dài gây thiếu nước. Thời tiết ảnh hưởng tới mùa vụ, mưa bão, hạn hán.....	0.25
--	---	------

uigeli.xyz ĐỀ 8	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
--------------------------------------	--

Câu 1(3đ)

- a.Các đặc điểm của người lao động Nhật Bản có tác động như thế nào đến nền kinh tế - xã hội Nhật Bản?
- b.Nguyên nhân làm cho nền kinh tế Nhật Bản phát triển “ thần kỳ” từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

Câu 2(4đ)

- a.Chứng minh Đông Nam Á có đủ điều kiện để phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới điển hình?
- b. Nêu các mục tiêu chính của ASEAN và giải thích tại sao mục tiêu của ASEAN lại nhấn mạnh đến sự ổn định?

Câu 3(3đ)

Cho bảng số liệu sau :

Giá trị xuất, nhập khẩu của các cường quốc thương mại thế giới năm 2004

Đơn vị : tỷ USD

Nước	Xuất Khẩu	Nhập Khẩu
Hoa Kỳ	818.5	1525.7
Đức	911.6	718.0
Trung Quốc	593.4	560.7
Nhật Bản	565.7	454.5
Pháp	423.8	442.0

1.Tính cán cân xuất nhập khẩu của các nước .

2. Vẽ biểu đồ thể hiện giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của các nước .Nhận xét.

--- Hết ---

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM THI HỌC KỲ 2 MÔN ĐỊA LÝ 11

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	<p>1. Các đặc điểm của người lao động Nhật Bản có tác động như thế nào đến nền kinh tế - xã hội Nhật Bản.(1.5đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm lao động nhật Bản : Cần cù, tích cực, tự giác, trách nhiệm... Coi trọng giáo dục ... - Đất nước nghèo về tài nguyên nên người lao động có ý chí vươn lên tránh tinh thần trông chờ ỷ lại . - Cần cù , tự giác sẽ nâng cao năng suất lao động - Coi trọng giáo dục ...là tiền đề cải tiến kỹ thuật tạo ra người lao động có trình độ cao . <p>2.Nguyên nhân làm cho nền kinh tế Nhật Bản phát triển “ thần kỳ” (1.5đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vốn đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị sản xuất... - Tập trung phát triển các ngành công nghiệp then chốt... - Duy trì kinh tế 2 tầng - Có sự hậu thuẫn của Hoa kỳ, chi phí quốc phòng thấp... - có sự điều chỉnh chiến lược sau năm 1980... 	<p>0.75</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
Câu 2	<p>1.Chứng minh Đông Nam Á có đủ điều kiện để phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới điển hình(2đ)</p> <p>*Về điều kiện tự nhiên :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về khí hậu : có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, ngoài ra còn có khí hậu xích đạo, cận xích đạothuận lợi phát triển lúa nước và CCN ... - Địa hình – đất đai : Các đồng bằng châu thổ rộng lớn (d/c)...phát triển lương thực, thực phẩm - Đất ba dan trên núi trung du (d/c) phát triển CCN... - Sông ngòi (d/c) nguồn nước dồi dào , phù sa ... <p>*Về điều kiện kinh tế - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân có nhiều kinh nghiệm -Có các tập quán sử dụng sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới ... - Thị trường rộng lớn ... 	<p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>

	<p>2.Nêu các mục tiêu chính của ASEAN và giải thích tại sao mục tiêu của ASEAN lại nhấn mạnh đến sự ổn định(2đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy sự tiến bộ về văn hóa , giáo dục giữa các nước thành viên ... - Xây dựng ĐNÁ thành một khu vực hòa bình ,ổn định có nền kinh tế... - Giải quyết những vấn đề khác biệt - Đoàn kết hợp tác vì một ASEAN hòa bình ổn định <p>* ASEAN nhấn mạnh đến ổn định vì :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự ổn định về chính trị tạo cơ sở vững chắc cho kinh tế phát triển... -Các nước trong khu vực đều từng bị mất ổn định ...do bị xâm lược, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển –đảo, tôn giáo, sắc tộc ... 	<p>025</p> <p>025</p> <p>025</p> <p>05</p> <p>025</p> <p>05</p>
Câu 3	<p>1.Tính cán cân = giá trị XK – giá trị nhập khẩu</p> <p>2. Vẽ biểu đồ cột ghép, các loại khác không cho điểm , yêu cầu đúng , đẹp, chính xác, chú thích , tên biểu đồ</p> <p>3. Nhận xét :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị XNK các nước đều rất lớn trong đó lớn nhất là Hoa Kỳ (d/c)... - Hoa kỳ và pháp nhập siêu còn lại các nước xuất siêu . 	<p>0.5</p> <p>1.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
Tổng		10.0

<p>uigeli.xyz</p> <p>ĐỀ 9</p>	<p>ĐỀ THI HỌC KỲ II</p> <p>Môn Địa Lí 11</p> <p><i>Thời gian: 45 phút</i></p>
--------------------------------------	---

I. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (6,0 ĐIỂM)

Câu 1: Từ 1994, Trung Quốc tập trung chủ yếu vào các ngành: chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng vì đó là những ngành:

- A. có thể tăng nhanh năng suất và đáp ứng được nhu cầu người dân.
- B. tạo động lực cho nền kinh tế đất nước đi lên.
- C. có thể quay vòng vốn nhanh.
- D. phù hợp với nguồn lao động đất nước rất dồi dào và giá nhân công rẻ.

Câu 2: Năm 2004, giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc lần lượt là 51,4% và 48,6%. Cán cân thương mại của Trung Quốc năm 2004 có đặc điểm:

- A. chưa có gì nổi bật.
- B. nhập siêu.
- C. mất cân đối xuất, nhập lớn.
- D. xuất siêu.

Câu 3: Trong các nước sau của khu vực Đông Nam Á, nước nào là nước công nghiệp mới (NICs):

- A. Bru-nây.
- B. Cam-pu-chia.
- C. Thái Lan.
- D. Xin-ga-po.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

SỰ BIẾN ĐỘNG VỀ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO ĐỘ TUỔI

Nhóm tuổi	1950	1970	1997	2005
Dưới 15 tuổi %	35,4	23,9	15,3	13,9
Từ 15 – 64 tuổi (%)	59,6	69,0	69,0	66,9
65 tuổi trở lên (%)	5,0	7,1	15,7	19,2
Số dân (triệu người)	83,0	104,0	126,0	127,7

- A. 19,2%.
- B. 14,2%.
- C. 7,3%.
- D. 3,8%.

Câu 5: Đâu không phải là biện pháp chính để Trung Quốc phát triển công nghiệp?

- A. Mở cửa, tăng cường hợp tác với nước ngoài.
- B. Cải tạo, xây dựng mới đường giao thông.
- C. Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị.
- D. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài.

Câu 6: Ngành công nghiệp được coi là mũi nhọn của Nhật bản là

- A. công nghiệp chế tạo máy.
- B. công nghiệp sản xuất điện tử.

C. công nghiệp dệt, sợi vải các loại.

D. công nghiệp xây dựng và công trình công cộng.

Câu 7: Về tự nhiên, miền Tây Trung Quốc không có đặc điểm nào sau đây?

A. Có nhiều hoang mạc và bán hoang mạc rộng lớn.

B. Gồm các dãy núi và cao nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.

C. Gồm các dãy núi và cao nguyên xen lẫn các đồng bằng màu mỡ.

D. Khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt, ít mưa.

Câu 8: Cho bảng số liệu:

Diện tích một số cây công nghiệp của Trung Quốc, thời kì 1985 - 2004

(Đơn vị: nghìn

ha)

Năm	1985	1995	2000	2002	2004
Chè	834	888	898	913	943
Cao su	300	395	421	429	420

Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu trên?

A. Diện tích trồng cao su tăng nhanh hơn so với diện tích trồng chè.

B. Diện tích trồng chè và cao su tăng liên tục qua các năm.

C. Diện tích trồng chè tăng chậm hơn so với diện tích trồng cao su.

D. Diện tích trồng cao su tăng nhưng không ổn định.

Câu 9: Bốn đảo lớn ở Nhật Bản xếp theo thứ tự từ Nam lên Bắc là

A. Xi - cô - cư, Kiu - xiu, Hôn - su, Hô - cai - đô. B. Kiu - xiu, Xi - cô - cư, Hôn - su, Hô - cai - đô.

C. Kiu - xiu, Xi - cô - cư, Hô - cai - đô, Hôn - su. D. Xi - cô - cư, Kiu - xiu, Hô - cai - đô, Hôn - su.

Câu 10: Cao su, cà phê, hồ tiêu, dừa được trồng nhiều ở Đông Nam Á chủ yếu nhằm

A. đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm trong khu vực.

- B. khai thác triệt để diện tích đất nông nghiệp.
- C. đáp ứng nhu cầu rất lớn của người dân ở khu vực.
- D. đáp ứng nhu cầu rất lớn của thế giới.

Câu 11: Cơ cấu cây trồng của Trung Quốc đang có sự thay đổi theo hướng

- A. giảm tỉ lệ diện tích cây công nghiệp, tăng tỉ lệ diện tích cây lương thực và cây ăn quả.
- B. giảm tỉ lệ diện tích cây ăn quả và cây lương thực, tăng tỉ lệ diện tích cây công nghiệp.
- C. giảm tỉ lệ diện tích cây lương thực, tăng tỉ lệ diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả.
- D. giảm tỉ lệ diện tích cây ăn quả, tăng tỉ lệ diện tích cây lương thực và cây công nghiệp.

Câu 12: Phía bắc Nhật Bản có khí hậu

- A. ôn đới, mùa đông ngắn, lạnh và không có tuyết.
- B. ôn đới, mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết.
- C. ôn đới, mùa đông kéo dài, lạnh và không có tuyết.
- D. ôn đới, mùa đông ngắn, lạnh và có nhiều tuyết.

Câu 13: Nhìn chung, khí hậu của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo khác nhau ở chỗ.

- A. Khí hậu của Đông Nam Á lục địa có tính lục địa, khí hậu của Đông Nam Á biển đảo có tính hải dương.
- B. Đông Nam Á lục địa nằm trong 1 đới khí hậu, Đông Nam Á biển đảo nằm trong 2 đới khí hậu.
- C. Đông Nam Á lục địa có khí hậu nhiệt đới gió mùa, Đông Nam Á biển đảo có khí hậu xích đạo.
- D. Khí hậu của Đông Nam Á lục địa có 1 mùa đông lạnh, Đông Nam Á biển đảo nóng quanh năm.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với dân cư, xã hội Trung Quốc?

- | | |
|-------------------------------|---------------------------|
| A. Lao động cần cù, sáng tạo. | B. Phát minh ra chữ viết. |
| C. Đầu tư phát triển giáo dục | D. Có quá ít dân tộc. |

Câu 15: Cao su là cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở các nước

- | | |
|---|---|
| A. Thái Lan, Việt Nam, Philipine, Malaixia. | B. Thái Lan, Malaixia, Singapore, Việt Nam. |
|---|---|

C. Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam, Indônêxia.

D. Thái Lan, Malaixia, Việt Nam,

Câu 16: Trung Quốc phát triển ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chủ yếu dựa vào

1. tài nguyên dồi dào, dễ xuất khẩu.
- B. khả năng xuất khẩu lớn, thu ngoại tệ.
- C. tài nguyên dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- D. lao động dồi dào, nguyên vật liệu phong phú.

Câu 17: Đông Nam Á nằm trong khu vực có khí hậu

- A. cận nhiệt gió mùa và cận xích đạo. B. xích đạo và nhiệt đới gió mùa.
- C. nhiệt đới gió mùa và cận nhiệt gió mùa. D. xích đạo và cận xích đạo.

Câu 18: Nhật Bản là nước có tốc độ gia tăng dân số hằng năm

- A. thấp và đang tăng dần. B. cao và đang giảm dần.
- C. thấp và đang giảm dần. D. cao và đang tăng dần.

Câu 19: Đông Nam Á tiếp giáp các đại dương là

- A. Bắc Băng Dương-Đại Tây Dương. B. Thái Bình Dương-Ấn Độ Dương.
- C. Thái Bình Dương-Bắc Băng Dương. D. Thái Bình Dương-Đại Tây Dương.

Câu 20: Cho bảng số liệu:

Diện tích một số cây công nghiệp của Trung Quốc, thời kì 1985 - 2004

(Đơn vị: nghìn

ha)

Năm	1985	1995	2000	2002	2004
Chè	834	888	898	913	943
Cao su	300	395	421	429	420

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích một số cây công nghiệp của Trung Quốc thời kì 1985 - 2004, biểu đồ thích hợp nhất là

- A. đường. B. tròn. C. miền. D. cột.

Câu 21: Cho bảng số liệu:

Số lượng đàn trâu và đàn bò của Trung Quốc, thời kì 1985 – 2004

(Đơn vị: nghìn con)

Năm	1985	1995	2000	2001	2004
Trâu	19547	22926	22595	22765	22287
Bò	62714	100556	104554	106060	112537

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Tốc độ tăng số lượng đàn trâu nhanh hơn đàn bò.
- B. Số lượng đàn trâu và đàn bò tăng liên tục qua các năm.
- C. Số lượng đàn bò tăng đều qua các năm.
- D. Số lượng đàn bò luôn lớn hơn đàn trâu.

Câu 22: Nhận định nào dưới đây không chính xác về những thành tựu do việc chuyển đổi từ nền kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường ở Trung Quốc?

- A. Hình thành các đặc khu kinh tế, các khu chế xuất cho phép các công ty nước ngoài tham gia đầu tư.
- B. Ưu tiên tối đa cho các ngành nông nghiệp, công nghiệp truyền thống.
- C. Các xí nghiệp, nhà máy chủ động hơn trong việc lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường tiêu thụ.
- D. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Trung Quốc ngày càng tăng.

Câu 23: Giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, Trung Quốc ưu tiên phát triển ngành công nghiệp nhẹ, không phải vì ngành này

- A. vốn đầu tư tương đối ít.
- B. tận dụng nguồn lao động dồi dào.
- C. thu lợi nhuận tương đối nhanh.
- D. đảm bảo phát triển vững chắc ngành công nghiệp.

Câu 24: Những năm 1986 - 1990, tốc độ tăng GDP trung bình của Nhật Bản đạt 5,3 % là nhờ có

- A. cơ sở hạ tầng tốt bậc nhất thế giới.
- B. người lao động có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm cao.

C. chiến lược phát triển kinh tế hợp lí.

D. sự hỗ trợ vốn từ Hoa Kỳ.

II. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN (4,0 ĐIỂM)

Câu 1: Vì sao nói ngành giao thông đường biển giữ một vị trí đặc biệt trong nền kinh tế của Nhật Bản?

Câu 2: Nêu khái quát thành tựu của công cuộc hiện đại hóa đất nước của Trung Quốc.

Câu 3: Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

----- **HẾT** -----

I. Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	103
1	A
2	D
3	D
4	B
5	B
6	B
7	C
8	B
9	B
10	D
11	C
12	B
13	B
14	D
15	D

16	D
17	B
18	C
19	B
20	A
21	D
22	B
23	D
24	C

II. Phần đáp án phần tự luận

Câu 1. Vì sao nói ngành giao thông đường biển giữ một vị trí đặc biệt trong nền kinh tế của Nhật Bản?

Trả lời

Ngành giao thông đường biển giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Nhật Bản, vì:

- Nhật Bản là quốc gia biển.
- Nghèo tài nguyên, đặc biệt khoáng sản. Do đó để phát triển công nghiệp Nhật Bản phải nhập tài nguyên khoáng sản...từ các nước khác thông qua đường biển
- Nhật Bản rất chú ý phát triển ngoại thương buôn bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ,... với các nước trong khu vực và thế giới. Việc trao đổi này phần lớn qua các cảng biển.

Câu 2: Nêu khái quát thành tựu của công cuộc hiện đại hóa đất nước của Trung Quốc?

Trả lời

Công cuộc hiện đại hóa đất nước của Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn:

- Mức tăng trưởng GDP cao nhất thế giới, trung bình đạt hơn 8%/năm.
- Năm 2004 tổng GDP đạt 1649,3 tỉ USD, đứng thứ 7 trên thế giới.
- Ngành thương mại phát triển mạnh. Giá trị xuất nhập khẩu đạt trên 1154,4 tỉ USD, chiếm vị trí thứ 3 trên thế giới.

- Điều kiện sống của nhân dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng 5 lần trong vòng 20 năm (từ 276 USD năm 1985 lên 1269 USD năm 2004).

- Ổn định xã hội, mở rộng giao lưu buôn bán với các nước trên thế giới tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển.

Câu 3: Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực

Trả lời

Đặc điểm vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á

- Khu vực Đông Nam Á nằm ở phía nam châu Á, nơi tiếp giáp giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, có vị trí giữa cầu nối giữa lục địa Á - Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a.

- Đông Nam Á bao gồm một hệ thống các bán đảo, đảo và quần đảo đan xen giữa các biển và vịnh biển rất phức tạp.

Ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực:

- Thuận lợi: Các quốc gia Đông Nam Á đều giáp biển (trừ Lào) nên thuận lợi cho giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các nước trong khu vực và trên thế giới bằng đường biển và phát triển ngành kinh tế biển: Giao thông vận tải đường biển, du lịch biển, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, khai thác khoáng sản biển.

- Khó khăn: Các thiên tai tự nhiên thường xảy ra như: bão, sóng thần, động đất,... gây thiệt hại lớn về người và của cho các nước trong khu vực, đặc biệt là các nước Đông Nam Á hải đảo.

Khu vực Đông Nam Á nằm gần các nước có nền kinh tế phát triển mạnh như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ,... nên gặp khó khăn trong cạnh tranh thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

<p>uigeli.xyz</p> <p>ĐỀ 10</p>	<p>ĐỀ THI HỌC KỲ II</p> <p>Môn Địa Lí 11</p> <p><i>Thời gian: 45 phút</i></p>
--	---

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)

Câu 1. Chọn những từ sau để điền vào chỗ trống cho phù hợp: "**công nghiệp; thị trường; chiến lược; đời sống**" để thể hiện chiến lược và thành tựu của Liên Bang Nga đã đạt được khi chuyển đổi sang nền kinh tế mới.

Từ năm 2000, nước Nga xây dựng (a).....kinh tế mới: tiếp tục xây dựng, nền kinh tế (b)....., mở rộng ngoại giao. Thành tựu kinh tế thể hiện qua: sản lượng các ngành kinh tế tăng, LB Nga xuất siêu, (c)..... người dân được cải thiện. LB Nga lại có vị trí trong nhóm nước (d).....hàng đầu trên thế giới.

Câu 2. Chọn ý không thuộc đặc điểm dân cư, lao động, dân tộc và tôn giáo của khu vực Đông Nam Á.

- A. Dân số khu vực Đông Nam Á đông, mật độ dân số cao.
- B. Đông Nam Á là khu vực đa dân tộc, đa tôn giáo.
- C. Đông Nam Á thiếu lao động, dân cư tập trung chủ yếu ở các vùng đất badan màu mỡ là sản phẩm của núi lửa.
- D. Đông Nam Á có lực lượng lao động dồi dào, nhưng trình độ lao động kỹ thuật còn hạn chế.

Câu 3. Cơ cấu GDP của Đông Nam Á đang có sự chuyển dịch theo hướng:

- A. Tỉ trọng khu vực I và II giảm, khu vực III tăng
- B. Tỉ trọng khu vực I và II tăng, khu vực III giảm
- C. Tỉ trọng khu vực I và III tăng, khu vực II giảm
- D. Tỉ trọng khu vực II và III tăng, khu vực I giảm

Câu 4. Các đảo lớn ở Nhật Bản theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là:

- A. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu
- B. Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu, Hô-cai-đô
- C. Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu
- D. Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Hôn-su, Kiu-xiu

Câu 5. Ngành chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP của kinh tế Nhật Bản là:

- A. Dịch vụ
- B. Công nghiệp
- C. Nông nghiệp
- D. Thương mại

Câu 6. Trung Quốc có 2 đặc khu hành chính là:

- A. Hồng Công và Ma Cao
- B. Đài Loan và Ma Cao
- C. Hồng Công và Đài Loan
- D. Ma Cao và Tây Tạng

Câu 7. Chính sách dân số của Trung Quốc là:

- A. Mỗi gia đình chỉ dừng lại hai con
- B. Mỗi gia đình chỉ có một con
- C. Mỗi gia đình chỉ có 3 con
- D. Mỗi gia đình không được sinh con

Câu 8. Dân cư Trung Quốc tập trung nhiều ở Miền Đông là do:

- A. Diện tích rộng, nhiều núi cao thuận lợi du lịch
- B. Nhiều đồng bằng, đất màu mỡ, nhiều đô thị, vị trí thuận lợi.

- C. Nhiều dân tộc ít người sinh sống
D. Có nhiều cao nguyên, nhiều dân nhập cư sinh sống

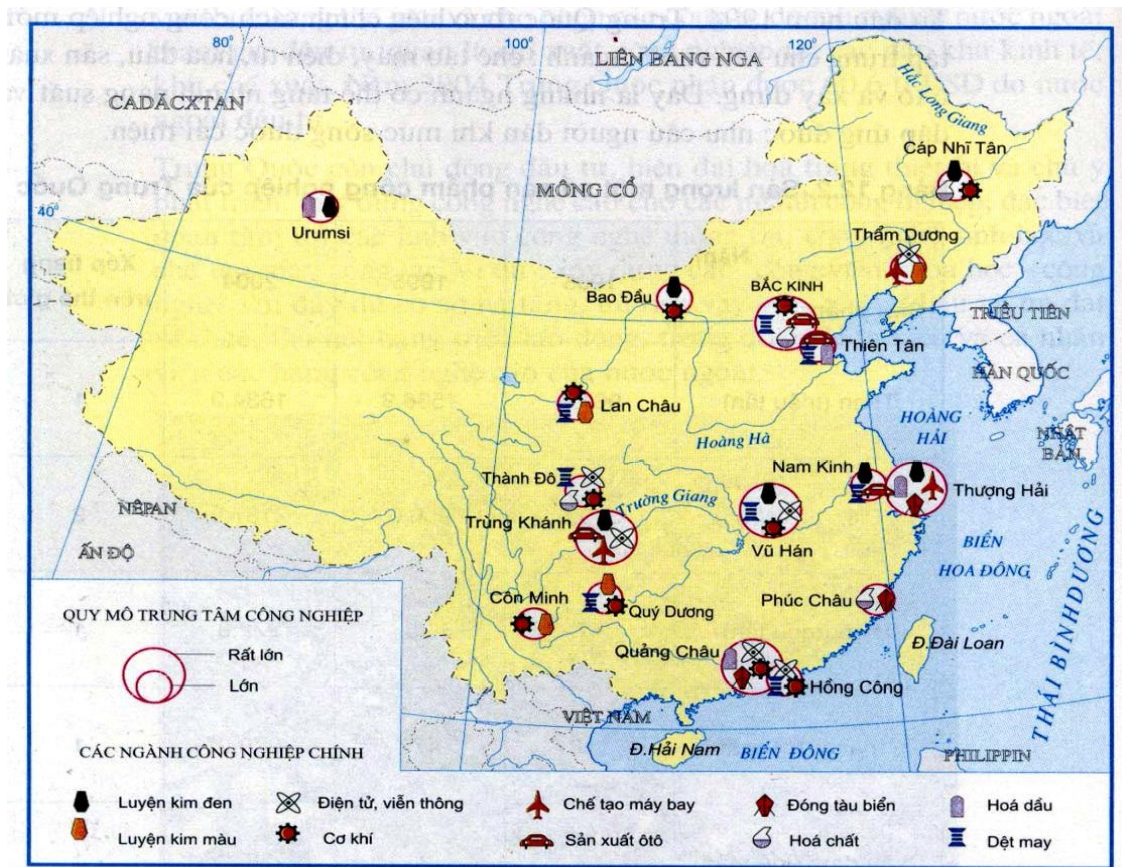
Câu 9. Những đổi mới trong sản xuất công nghiệp của Trung Quốc là:

- A. Các nhà máy, xí nghiệp được miễn thuế
B. Các xí nghiệp, nhà máy được chủ động trong lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường
C. Các nhà máy, xí nghiệp được nhà nước cho vay vốn sản xuất
D. Các nhà máy, xí nghiệp được nhà nước bao tiêu sản phẩm

II. TỰ LUẬN(7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm) Trình bày cơ chế hợp tác của ASEAN. Nêu cơ hội và thách thức khi Việt Nam tham gia ASEAN.

Câu 2: (2,0 điểm) Dựa vào hình sau: Hãy nhận xét và giải thích sự phân bố các trung tâm công nghiệp chính của Trung Quốc.



Hình 12.7. Các trung tâm công nghiệp chính của Trung Quốc

Câu 3:(3,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau:

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Nhật Bản ở hai năm 1950 và 2005 (Đơn vị: %)

Năm	1950	2005
Dưới 15 tuổi	35,4	13,9
Từ 15-64 tuổi	59,6	66,9
65 tuổi trở lên	5,0	19,2

a/Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Nhật Bản ở hai năm 1950 và 2005.

b/Qua biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC

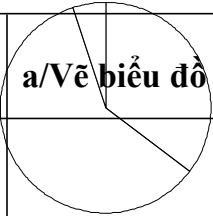
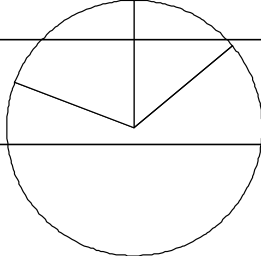
-Câu 1: đúng được 1,0 điểm; câu 2 đến câu 8 mỗi câu đúng được 0,25 điểm

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9
ĐÁP ÁN	a/Chiến lược b/Thị trường c/Đời sống d/Công	C	D	A	A	A	B	B	B

II/ TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

CÂU	ĐÁP ÁN	THANG ĐIỂM
Câu 1 2,0 điểm	<p>Cơ chế hợp tác của ASEAN.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thông qua các diễn đàn, hiệp ước, hội nghị -Thông qua các dự án, chương trình phát triển -Xây dựng khu vực thương mại tự do ASEAN -Thông qua các hoạt động văn hóa thể thao của khu vực <p>Cơ hội và thách thức khi Việt Nam tham gia ASEAN.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Cơ hội: Mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, chuyên giao khoa học công nghệ tiên tiến. -Thách thức: sự chênh lệch trình độ phát triển kinh tế, công nghệ, khác biệt thể chế 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>

	chính trị.	0,5
Câu 2	-Nhận xét phân bố TTCN	
2,0	+Các trung tâm công nghiệp của Trung Quốc phân bố không đều, tập trung hầu hết ở miền Đông.	0,5
điểm	+Miền Tây mật độ các trung tâm công nghiệp rất thưa thớt, không có trung tâm công nghiệp quy mô rất lớn.	0,5
	-Giải thích	
	+Sự phân bố công nghiệp không đều phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và kinh tế – xã hội.	0,25
	+Miền Đông có điều kiện tự nhiên thuận lợi, dân cư đông đúc	0,5
	+Miền Tây điều kiện tự nhiên có nhiều khó khăn, dân cư thưa thớt.	0,25

	 	
Câu 3 3,0 điểm	<p>a/ Vẽ biểu đồ</p> <p>□ □ □</p> <p>5% 35.4% 59.6%</p> <p>Dưới 15 tuổi 66.9%</p> <p>Từ 15-64 tuổi</p> <p>1950 65 tuổi trở lên 2005</p>	2 , 0
	<p>b/ Nhận xét</p> <p>-Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Nhật Bản từ năm 1950 đến năm 2005 có sự chuyển dịch (thay đổi).</p> <p>-Nhóm tuổi dưới 15 giảm nhanh từ 35,4% xuống còn 13,9%</p> <p>-Nhóm tuổi từ 15-64 tuổi tăng chậm từ 59,6% lên 66,9%</p> <p>-Nhóm tuổi 65 tuổi trở lên tăng nhanh từ 5% lên 19,2% (già hóa dân số).</p>	